

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2023

V/v “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Kim S.

Ông Phạm Gia A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc: “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1972; ĐKTT: 96/51 ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp Vĩnh Phú, xã VT, huyện CL, tỉnh BT

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T - sinh năm 1963; Địa chỉ: 96/51 ấp HK, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022, ngày 20/12/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 20/12/2022, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T do mai mối tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được 30 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, bà P cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chồng bà ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập, hành hạ, dùng bạo lực gia đình, bà cũng đã báo chính quyền địa phương nhưng ông T vẫn không thay đổi.

Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, bà P cương quyết yêu cầu Tòa

án nhân dân huyện CL giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T.

Về con chung: bà P và ông T sống chung với nhau có tạo ra hai người con chung tên Trần Tấn Phương, sinh ngày 27/12/1989 và Trần Tấn Duy, sinh ngày 01/02/1992, hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên bà P không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/12/2022, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông bà sống chung như vợ chồng từ năm 1988, sau 1 năm thì có con, không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân bà P cho rằng ông đánh đập là không có, cuộc sống chung có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cự cãi.

Về con chung: trong thời gian sống chung như vợ chồng, bà P và ông T có tạo ra hai người con chung tên Trần Tấn Ph, sinh ngày 27/12/1989 và Trần Tấn D, sinh ngày 01/02/1992, hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên ông T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà P và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà P và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng, mặc dù bà P không nhớ chính xác nhưng theo như lời trình bày của bà P và ông T thì sau khi chung sống được 1 năm thì có người con chung đầu tiên tên Trần Tấn Phương, sinh ngày 27/12/1989, chứng tỏ bà P và ông T chung sống với nhau trong khoảng thời gian năm 1988 là phù hợp. Mặc dù sống chung từ năm 1988 đến nay ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà P và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà P và ông T ban đầu cũng hạnh phúc nhưng cuộc sống đã phát sinh mâu thuẫn hơn mười mấy năm, nguyên nhân bà P do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên ghen

tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập, bà P đã vì con mà cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không thay đổi. Còn ông T mặc dù phủ nhận việc đánh đập bà P nhưng cho rằng cuộc sống vợ chồng có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và xảy ra cự cãi. Điều đó chứng tỏ của sống chung giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà P cương quyết yêu cầu không công nhận giữa bà P và ông T là vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông T có tạo ra hai người con chung tên Trần Tấn Phương, sinh ngày 27/12/1989 và Trần Tấn Duy, sinh ngày 01/02/1992, hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, bà P và ông T đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà P và ông T khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà P phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T. Cụ thể tuyên:

Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T có tạo ra hai người con chung tên Trần Tấn Ph, sinh ngày 27/12/1989 và Trần Tấn D, sinh ngày 01/02/1992, hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, bà P và ông T đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét đến.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T khai không có nên không xem xét.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008580 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT. Bà P đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Lưu HSVÀ+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên và đóng dấu